

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 9 - 2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Kiều Công Ích;

2. Bà Vương Thị Thu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh PT tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/ TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 12 xã ND, huyện TB, tỉnh PT.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu 12, xã ND, huyện TB, tỉnh PT.

(Chị H, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 16 tháng 7 năm 2004 tại UBND xã ND, huyện TB, tỉnh PT theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 22/2004. Trong thời gian

chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ những khác biệt, bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng khoảng năm 2021, đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương nhiều lần khuyên giải nhưng không thể hàn gắn giải quyết được. Chị H và anh M đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị H và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2005; và cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/02/2017. Hiện nay hai cháu đang sống cùng ông bà nội tại Khu 12 xã ND, huyện TB, tỉnh PT. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu C và không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Q đã thành niên và có khả năng lao động nên chị để cháu tự quyết định. Hiện chị đang làm việc ở Hà Nội với thu nhập hàng tháng là 12.000.000đồng nên chị đủ khả năng, điều kiện chăm sóc nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H xin nhận nộp toàn bộ án phí (thay cả phần của anh M nếu có).

** Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:* Anh M và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/7/2004 tại UBND xã ND, huyện TB, tỉnh PT. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng phát sinh từ năm 2021, tuy đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn. Hai bên ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh M và chị H có 02 con chung là cháu: Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 05/02/2005 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/02/2017. Khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức C, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con đối với cháu C. Cháu Nguyễn Mạnh Q đã thành niên, có khả năng lao động nên anh không yêu cầu giải quyết về việc nuôi cháu Q.

Về tài sản chung, nợ chung, các vấn đề khác: Anh M không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu: Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/02/2017 (hiện cháu đang ở cùng anh M và bố mẹ đẻ anh M là bà Vi Thị Ch ở Khu 12, xã ND, huyện TB, tỉnh PT). Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Còn cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 05/02/2005 đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H, anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu 12 xã ND, huyện TB, tỉnh PT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vụ án không tiến hành hoà giải được do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị H và anh M vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh M là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được UBND xã ND, huyện TB đăng ký kết hôn ngày 16/7/2004, do vậy hôn nhân giữa chị H và anh M là hôn nhân hợp pháp. Đến nay chị H yêu cầu được ly hôn anh M, anh M cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh M hiện nay không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 05/02/2005 và cháu Nguyễn Đức C,

sinh ngày 12/02/2017. Cháu Nguyễn Mạnh Q đã thành niên, có năng lao động nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi cháu Q là phù hợp. Chị H và anh M đều đề nghị sau ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đức C, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con;

Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của hai bên là chính đáng; Về điều kiện nuôi con chung của hai bên là như nhau, cả hai đều là lao động tự do và có thu nhập. Xong xét hiện nay cháu C đang ở cùng anh M và bố mẹ đẻ anh M là bà Vi Thị C, tại khu 12, xã ND, huyện TB, tỉnh PT. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung được đảm bảo đầy đủ. Qua xác M tại địa phương, bà Vi Thị C cho biết: khoảng 5 - 6 năm gần đây thì anh M và chị H đi làm ăn xa, anh chị gửi 2 con cho vợ chồng bà C nuôi dưỡng, chăm sóc. Hàng tháng, anh M gửi tiền về để nuôi cháu C. Trước kia chị H gửi tiền về nuôi cháu Q, đến nay cháu Q đã tự đi làm được nên thì thoảng chị H gửi sữa về cho các cháu. Công việc anh M làm đầu bếp, thu nhập khoảng 12 triệu đồng/ tháng. Như vậy, để cháu C ổn định tâm lý không bị xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập, nên cần giao cháu C cho anh M trực tiếp nuôi con là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị H, anh M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M.

[3]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Đức C, sinh ngày 12/02/2017 (hiện cháu C đang ở cùng anh M và bố mẹ đẻ anh M là bà Vi Thị C tại Khu 12, xã ND, huyện TB, tỉnh PT). Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh M không yêu cầu. Còn con chung là cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 05/02/2005 đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị H và anh M không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị H đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001938 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện TB. Trả lại cho chị H 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã ND;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyện